

Số:06/2025/CBTT/TTT

Tây Ninh, ngày 29 tháng 03 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng năm 2024 và BCTC hợp nhất năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh

- Mã chứng khoán: TTT
- Địa chỉ: 1253 đường Cách mạng tháng 8, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02763822376
- Email: tanitour.tayninh@gmail.com Website: http://www.tanitour.com.vn/

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC riêng năm 2024 và BCTC hợp nhất năm 2024  
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/03/2025 tại đường dẫn: <http://tanitour.com.vn>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng năm 2024
- BCTC hợp nhất năm 2024
- Giải trình BCTC riêng năm 2024 số: 139/DLTM
- Giải trình BCTC hợp nhất 2024 số: 140/DLTM

**Đại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Phan Thanh Trung**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH – THƯƠNG MẠI  
TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 140 /DLTM

Tây Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2025

V/v Báo cáo giải trình lợi nhuận hợp nhất năm 2024  
Giảm so với lợi nhuận hợp nhất năm 2023

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ theo quy định tại Chương III, Điều 14 khoản 2,3,4 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2024 của Công ty Cổ Phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh,

Nay Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh xin báo cáo giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2024 giảm so với chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2023, cụ thể như sau:

**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng(+)/ giảm (-)	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Tổng doanh thu	156.511.801.903	177.502.885.957	-20.991.084.054	-11,83
2	Tổng chi phí	123.542.506.722	135.564.470.253	-12.021.963.531	-8,87
3	Lợi nhuận trước thuế	32.969.295.181	41.938.415.704	-8.969.120.523	-21,39
4	Lợi nhuận sau thuế	26.282.262.506	33.460.819.683	-7.178.557.177	-21,45

Qua bảng số liệu tổng hợp trên, lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2024 là: 26.282.262.506 đồng giảm 21,45% so với lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023, tương ứng số tiền là: -7.178.557.177 đồng, nguyên nhân do: tổng doanh thu hợp nhất năm 2024 giảm 11,83% so với doanh thu hợp nhất năm 2023, tương đương -20.991.084.054 đồng.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2024 giảm so với chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2023.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- SGDCCKHN;
- Lưu.

TỔNG GIÁM ĐỐC   
  
Trần Thị Hiền

## Báo cáo Tài chính Hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09-26

5011  
CƠ  
ACHNH  
ANG  
A  
DAN

11/9  
C  
C  
LIC  
TÁ  
/N

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thù	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên/Tổng giám đốc
Ông Võ Trần Chí Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Bùi Minh Nam	Thành viên
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là bà Trần Thị Hiền – Tổng Giám đốc Công ty.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh**  
Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước,  
phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc**



**Trần Thị Hiền**  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 03 năm 2025



Số: 270325.020/BCTC.FIS2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

T:(84) 24 3824 1990 | F:(84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

**Nguyễn Phạm Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2893-2025-002-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>451.205.014.027</b>	<b>460.647.631.253</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>7.278.702.137</b>	<b>8.957.289.062</b>
111	1. Tiền		3.278.702.137	1.832.289.062
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	7.125.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>22.595.000.000</b>	<b>31.870.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	22.595.000.000	31.870.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>409.795.832.599</b>	<b>410.645.833.033</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	31.238.857.078	25.038.904.443
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	71.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	372.000.000.000	359.052.328.771
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.556.975.521	26.483.599.819
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>10.520.382.205</b>	<b>8.207.656.810</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	10.520.382.205	8.207.656.810
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.015.097.086</b>	<b>966.852.348</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	437.770.900	59.219.914
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		577.326.186	907.632.434
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>19.058.069.460</b>	<b>21.657.438.004</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>15.065.866.430</b>	<b>18.285.954.396</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	15.065.866.430	18.285.954.396
222	- Nguyên giá		318.217.917.220	319.483.249.605
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(303.152.050.790)	(301.197.295.209)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		125.000.000	125.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(125.000.000)	(125.000.000)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>1.302.852.533</b>	<b>1.587.111.268</b>
231	- Nguyên giá		4.246.520.993	4.246.520.993
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.943.668.460)	(2.659.409.725)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>812.220.494</b>	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	812.220.494	-
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.877.130.003</b>	<b>1.784.372.340</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.877.130.003	1.784.372.340
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>470.263.083.487</b>	<b>482.305.069.257</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>24.826.537.611</b>	<b>50.828.067.974</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>24.826.537.611</b>	<b>50.728.067.974</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	10.285.732.040	29.999.172.662
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.216.790.775	8.650.243.806
314	3. Phải trả người lao động		5.672.456.635	6.837.096.169
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		640.437.864	2.195.695.587
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		15.863.638	15.863.638
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	771.575.817	2.766.315.270
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		223.680.842	263.680.842
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>100.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	-	100.000.000
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>445.436.545.876</b>	<b>431.477.001.283</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>445.285.330.471</b>	<b>431.276.447.965</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.702.100.000	45.702.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.702.100.000	45.702.100.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		48.915.600.000	48.915.600.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		50.761.702.190	50.761.702.190
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		135.442.434.098	123.600.595.080
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		114.460.175.080	99.130.087.505
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		20.982.259.018	24.470.507.575
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		164.463.494.183	162.296.450.695
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>151.215.405</b>	<b>200.553.318</b>
431	1. Nguồn kinh phí		177.197	177.197
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		151.038.208	200.376.121
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>470.263.083.487</b>	<b>482.305.069.257</b>

Bùi Thị Hồng Nhung  
Người lập

Trần Thị Phượng  
Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		125.985.462.537	143.237.460.382
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.550.875.968	1.649.358.027
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	124.434.586.569	141.588.102.355
11	4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	107.931.049.381	116.038.906.237
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.503.537.188	25.549.196.118
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26.295.591.875	30.359.381.595
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	2.544.067.865	6.174.196.493
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	11.048.196.281	10.765.814.972
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.206.864.917	38.968.566.248
31	11. Thu nhập khác	23	5.781.623.459	5.555.402.007
32	12. Chi phí khác	24	2.019.193.195	2.585.552.551
40	13. Lợi nhuận khác		3.762.430.264	2.969.849.456
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.969.295.181	41.938.415.704
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	6.687.032.675	8.477.596.021
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.282.262.506	33.460.819.683
61	17. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		20.982.259.018	24.470.507.575
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		5.300.003.488	8.990.312.108
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		4.591	5.354

Bùi Thị Hồng Nhung  
Người lập

Trần Thị Phượng  
Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Năm 2024  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>32.969.295.181</b>	<b>41.938.415.704</b>
	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định		4.000.130.788	5.253.991.307
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(26.371.851.134)	(30.359.381.595)
<b>08</b>	<b>Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>10.597.574.835</b>	<b>16.833.025.416</b>
09	(Tăng) các khoản phải thu		(5.779.646.387)	(19.373.883.320)
10	(Tăng) hàng tồn kho		(2.312.725.395)	(64.524.491)
11	(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(24.520.246.327)	11.294.464.286
12	(Tăng) chi phí trả trước		(471.308.649)	(991.387.068)
15	Thuế TNDN đã nộp		(8.477.010.021)	(8.486.155.728)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(40.000.000)	(1.000.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>(31.003.361.944)</b>	<b>(789.460.905)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(1.032.779.184)	(1.293.402.691)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		76.259.259	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(428.940.000.000)	(74.870.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		425.267.328.771	79.465.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay		46.203.216.173	6.159.307.608
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>41.574.025.019</b>	<b>9.460.904.917</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(12.249.250.000)	(12.383.700.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>(12.249.250.000)</b>	<b>(12.383.700.000)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(1.678.586.925)</b>	<b>(3.712.255.988)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>8.957.289.062</b>	<b>12.669.545.050</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		<b>7.278.702.137</b>	<b>8.957.289.062</b>

  
Bùi Thị Hồng Nhung  
Người lập

  
Trần Thị Phượng  
Kế toán trưởng

  
Trần Thị Hiền  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2024

**1. Đặc điểm hoạt động của Công ty**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: TTT.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.702.100.000 VND, tương đương 4.570.210 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 89 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 93 người).

**Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm 2024, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như kinh doanh nước giải khát, dịch vụ vận chuyển xe điện, dịch vụ giữ xe và dịch vụ dọn vệ sinh cảnh quan trong và quanh khu vực Núi Bà.

Tuy nhiên, Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (“công ty con”) có thêm sự cạnh tranh từ công ty kinh doanh cáp treo khác khiến cho doanh thu từ dịch vụ cáp treo giảm so với năm 2023. Bên cạnh đó, tỷ trọng định phí trong cơ cấu giá vốn chiếm tỷ trọng khá cao khiến cho giá vốn tại công ty con không thay đổi nhiều, dẫn đến lợi nhuận gộp cũng như lợi nhuận trước thuế của công ty con giảm mạnh. Vì vậy, kết quả kinh doanh phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty năm nay giảm mạnh so với năm trước.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	51,00%	Dịch vụ vận chuyển du lịch

**2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng**

**2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## **2.4 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi;
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- ▶ Thời gian hữu dụng của tài sản cố định, công cụ dụng cụ;
- ▶ Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- ▶ Ước tính về thuế thu nhập doanh nghiệp
- ▶ Thời gian phân bổ chi phí trả trước.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

## **2.5 Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.7 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.  
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.9 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (TSCĐ) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
▶ TSCĐ Khác	04 – 08 năm
▶ Phần mềm bán vé	03 năm

## 2.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

## 2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 36 tháng;
- ▶ Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 24 tháng;
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

## 2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.



## 2.15 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

## 2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## 2.18 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

390  
CỔ  
CỔ  
LỊCH  
TÀI  
NI

## 2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm trừ doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước) và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## 2.20 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## 2.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

*Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh.

## 2.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.24 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và chỉ diễn ra tại khu vực Núi Bà tỉnh Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	236.483.004	839.669.844
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.042.219.133	992.619.218
Tương đương tiền (i)	4.000.000.000	7.125.000.000
	<b>7.278.702.137</b>	<b>8.957.289.062</b>

(i) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,4%/năm.

## 4. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2024, “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,3%/năm.

## 5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP Mặt Trời Tây Ninh	29.804.084.507	24.061.719.158
Khác	1.434.772.571	977.185.285
	<b>31.238.857.078</b>	<b>25.038.904.443</b>
<b>Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh 29)</b>	<b>29.804.084.507</b>	<b>24.061.719.158</b>

## 6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Các khoản cho vay các đối tượng doanh nghiệp với lãi suất vay quy định tại từng hợp đồng có thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng nhằm phục vụ cho mục đích hoạt động kinh doanh của bên vay. Hình thức bảo đảm khoản cho vay là tín chấp.

Thời gian đáo hạn các khoản cho vay tại Công ty con gồm 2 đợt: đợt 1 đáo hạn 90 tỷ VND vào tháng 4 năm 2025 và đợt 2 đáo hạn 211 tỷ VND vào tháng 12 năm 2025.

## 7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay	6.545.975.521	26.453.599.819
Khác	11.000.000	30.000.000
	<b>6.556.975.521</b>	<b>26.483.599.819</b>

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	5.261.028.787	3.556.468.188
Công cụ, dụng cụ	4.453.148.890	4.356.669.503
Hàng hóa	806.204.528	294.519.119
	<b>10.520.382.205</b>	<b>8.207.656.810</b>

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	322.086.235	46.291.667
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.604.167	9.614.583
Khác	109.080.498	3.313.664
	<b>437.770.900</b>	<b>59.219.914</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.038.667.110	790.545.361
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	91.535.028	64.542.470
Khác	746.927.865	929.284.509
	<b>1.877.130.003</b>	<b>1.784.372.340</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng nhà kho đang được hoàn thiện và chưa đưa vào sử dụng.



**11. Tài sản cố định hữu hình**

	TSCĐ hữu hình					Tổng VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải và truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2024	76.197.386.682	209.942.659.872	16.223.954.572	14.929.573.637	2.189.674.842	319.483.249.605
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	545.122.000	-	545.122.000
Thanh lý	(180.757.318)	(224.247.267)	-	(1.405.449.800)	-	(1.810.454.385)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>76.016.629.364</b>	<b>209.718.412.605</b>	<b>16.223.954.572</b>	<b>14.069.245.837</b>	<b>2.189.674.842</b>	<b>318.217.917.220</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2024	63.798.465.830	209.330.103.954	12.187.596.625	13.702.748.050	2.178.380.750	301.197.295.209
Khấu hao TSCĐ kinh doanh	1.652.673.551	179.080.093	903.309.239	980.809.170	-	3.715.872.053
Hao mòn tài sản ngân sách	-	26.477.668	18.753.302	-	4.106.943	49.337.913
Thanh lý	(180.757.318)	(224.247.267)	-	(1.405.449.800)	-	(1.810.454.385)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>65.270.382.063</b>	<b>209.311.414.448</b>	<b>13.109.659.166</b>	<b>13.278.107.420</b>	<b>2.182.487.693</b>	<b>303.152.050.790</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2024	12.398.920.852	612.555.918	4.036.357.947	1.226.825.587	11.294.092	18.285.954.396
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>10.746.247.301</b>	<b>406.998.157</b>	<b>3.114.295.406</b>	<b>791.138.417</b>	<b>7.187.149</b>	<b>15.065.866.430</b>

- ▶ Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 293.093.558.104 VND.
- ▶ Trong số TSCĐ của Công ty có bao gồm các tài sản mua mới từ nguồn thu phí lệ phí để phục vụ hoạt động thu phí tham quan di tích lịch sử, thắng cảnh núi Bà Đen với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại ngày 31/12/2024 lần lượt là 396.731.998 VND và 245.693.790 VND. Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 31/12/2024 là 151.038.208 VND được ghi nhận vào Mã số 432 – Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**12. Bất động sản đầu tư**

Tại thời điểm 31/12/2024, bất động sản đầu tư là nhà văn phòng cho thuê tại đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Đồng Nai	3.280.627.775	3.280.627.775	2.698.999.620	2.698.999.620
Công ty TNHH MTV Cây xanh Phú Đạt	2.200.695.000	2.200.695.000	2.741.350.000	2.741.350.000
Chi nhánh Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc tại Hòn Thơm	-	-	6.488.100.000	6.488.100.000
Công ty TNHH Cung ứng hàng hóa Phương Nam	-	-	6.346.274.749	6.346.274.749
Khác	4.804.409.265	4.804.409.265	11.724.448.293	11.724.448.293
	<b>10.285.732.040</b>	<b>10.285.732.040</b>	<b>29.999.172.662</b>	<b>29.999.172.662</b>
<b>Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan</b> <i>(Thuyết minh 29)</i>	<b>197.074.422</b>	<b>197.074.422</b>	<b>25.658.280</b>	<b>25.658.280</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024	Năm 2024		31/12/2024
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	115.136.617	3.630.896.808	3.603.199.913	142.833.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.477.010.021	6.687.032.675	8.477.010.021	6.687.032.675
Thuế thu nhập cá nhân	18.574.646	1.250.910.820	1.249.870.995	19.614.471
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.731.388.622	3.731.388.622	-
Các loại thuế, phí khác	39.522.522	1.124.322.735	796.535.140	367.310.117
	<b>8.650.243.806</b>	<b>24.889.725.842</b>	<b>17.858.004.691</b>	<b>7.216.790.775</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
<b>Số dư ngày 01/01/2023</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>50.761.702.190</b>	<b>108.270.507.505</b>	<b>156.439.098.587</b>	<b>410.089.008.282</b>
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	24.470.507.575	8.990.312.108	33.460.819.683
Chia cổ tức	-	-	-	(9.140.420.000)	(3.132.960.000)	(12.273.380.000)
<b>Số dư ngày 31/12/2023</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>50.761.702.190</b>	<b>123.600.595.080</b>	<b>162.296.450.695</b>	<b>431.276.447.965</b>
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	20.982.259.018	5.300.003.488	26.282.262.506
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(9.140.420.000)	(3.132.960.000)	(12.273.380.000)
<b>Số dư ngày 31/12/2024</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>50.761.702.190</b>	<b>135.442.434.098</b>	<b>164.463.494.183</b>	<b>445.285.330.471</b>

(i) Việc chia cổ tức được thực hiện như sau:

- ▶ Công ty mẹ thực hiện chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ tương ứng 9.140.420.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 46/2024/NQ-ĐHĐCĐ/TTT ngày 20/06/2024;
- ▶ Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (Công ty con) thực hiện chia cổ tức năm 2023 cho các cổ đông không kiểm soát với tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ tương ứng 3.132.960.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/TCT ngày 21/06/2024.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2024	Tỷ lệ vốn góp	01/01/2024	Tỷ lệ vốn góp
	VND	%	VND	%
Công ty CP Địa Cầu	11.197.010.000	24,50	11.197.010.000	24,50
Công ty TNHH Olympia	10.968.500.000	24,00	10.968.500.000	24,00
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương	10.968.500.000	24,00	10.968.500.000	24,00
Các cổ đông khác	12.568.090.000	27,50	12.568.090.000	27,50
	<b>45.702.100.000</b>	<b>100,00</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>100,00</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	45.702.100.000	45.702.100.000
- Vốn góp cuối năm	45.702.100.000	45.702.100.000
<i>Cổ tức tại Công ty mẹ và Công ty con chia cho cổ đông không kiểm soát</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	124.773.000	235.093.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	12.273.380.000	12.273.380.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.273.380.000	12.273.380.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	12.249.250.000	12.383.700.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.249.250.000	12.383.700.000
- Số dư cuối năm	148.903.000	124.773.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.



**16. Phải trả khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Thu-chi hộ Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen về phí lệ phí (*)	422.186.005	2.458.194.093
Cổ tức phải trả	148.903.000	124.773.000
- Cổ đông khác	148.903.000	124.773.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	200.486.812	183.348.177
	<b>771.575.817</b>	<b>2.766.315.270</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	-	100.000.000
	-	<b>100.000.000</b>

(\*) Theo hợp đồng thu chi hộ phí tham quan di tích lịch sử và thắng cảnh núi Bà Đen ngày 28/12/2022 giữa Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen và Công ty.

**17. Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

Tại Công ty mẹ:

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐ-ĐĐ tại đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2006.

Tại Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (công ty con):

- ▶ Hợp đồng thuê đất số 01/05.HĐ-TĐ ngày 08/05/2009 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 28/05/PK HĐ-TĐ ngày 23/9/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2009.
- ▶ Hợp đồng thuê đất số 03/10/HĐ-TĐ ngày 24/10/2007, Hợp đồng thuê đất điều chỉnh số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26/05/2008 và Phụ kiện hợp đồng thuê đất số 22/9/PK HĐ-TĐ ngày 17/09/2014 tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và tại xã Thạch Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê 50 năm từ năm 2007.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty còn có hợp đồng thuê tài sản số 011/2024/HDTTS/STN-TTT ngày 01/01/2024 với Công ty Cổ phần Mặt trời Tây Ninh thuê công trình hạ tầng, công trình hiện trạng của bãi gửi xe tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen để phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn thuê đến 31/12/2024.

**18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hoạt động vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt, xe điện	30.015.081.113	45.017.168.453
Hoạt động bán hàng hóa	40.492.305.399	43.576.858.977
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	10.337.951.851	9.742.664.478
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	38.689.002.573	37.764.561.246
Khác	6.451.121.601	7.136.207.228
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.550.875.968</b>	<b>1.649.358.027</b>
Chiết khấu thương mại	1.550.875.968	1.649.358.027
	<b>124.434.586.569</b>	<b>141.588.102.355</b>
<b>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</b> (Thuyết minh 29)	<b>42.818.103.799</b>	<b>39.840.504.996</b>

**19. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hoạt động vận chuyển bằng cáp treo, máng trượt, xe điện	24.236.228.874	33.868.492.382
Hoạt động bán hàng hóa	33.964.846.864	38.624.905.522
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	8.286.494.909	7.794.735.359
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	39.675.992.965	34.285.617.299
Khác	1.767.485.769	1.465.155.675
	<b>107.931.049.381</b>	<b>116.038.906.237</b>
<b>Trong đó, mua hàng từ các bên liên quan</b> (Thuyết minh 29)	<b>2.296.214.546</b>	<b>2.283.952.020</b>

**20. Chi phí bán hàng**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	965.410.288	1.303.080.812
Chi phí khấu hao TSCĐ	359.419.593	412.061.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.219.237.984	4.459.054.155
	<b>2.544.067.865</b>	<b>6.174.196.493</b>
<b>Trong đó, chi phí mua của các bên liên quan</b> (Thuyết minh 29)	<b>1.095.339.973</b>	<b>909.090.909</b>

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.295.591.875	30.359.381.595
	<b>26.295.591.875</b>	<b>30.359.381.595</b>

**22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.333.982.221	8.664.531.639
Chi phí khấu hao TSCĐ	300.455.814	436.717.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.421.200.320	1.331.349.633
Chi phí khác	992.557.926	333.215.977
	<b>11.048.196.281</b>	<b>10.765.814.972</b>
<b>Trong đó, chi phí mua của các bên liên quan (Thuyết minh 29)</b>	<b>18.449.541</b>	<b>15.890.909</b>

**23. Thu nhập khác**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm từ nhà cung cấp	5.583.164.200	5.487.620.291
Khác	198.459.259	67.781.716
	<b>5.781.623.459</b>	<b>5.555.402.007</b>

**24. Chi phí khác**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí hỗ trợ trưng bày sản phẩm	1.762.775.000	1.629.220.000
Chi phí khác	256.418.195	956.332.551
	<b>2.019.193.195</b>	<b>2.585.552.551</b>
<b>Trong đó, chi phí khác mua từ các bên liên quan (Thuyết minh 29)</b>	<b>100.560.000</b>	<b>494.965.291</b>



**25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	3.914.798.537	3.826.164.580
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	2.772.234.138	4.651.431.441
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.687.032.675</b>	<b>8.477.596.021</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	8.477.010.021	8.485.569.728
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(8.477.010.021)	(8.486.155.728)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>6.687.032.675</b>	<b>8.477.010.021</b>

**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	20.982.259.018	24.470.507.575
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	20.982.259.018	24.470.507.575
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.570.210	4.570.210
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.591</b>	<b>5.354</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	25.396.343.985	23.390.458.603
Chi phí nhân công	39.927.905.446	39.207.000.202
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.000.130.788	5.253.991.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.951.876.813	20.111.495.021
Chi phí khác bằng tiền	5.282.209.631	6.391.067.047
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>87.558.466.663</b>	<b>94.354.012.180</b>

**28. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**29. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Chi trả cổ tức</b>			
Các cổ đông	Chủ sở hữu	12.249.250.000	12.383.700.000
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	42.818.103.799	39.840.504.996
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	3.635.196.594	3.705.262.765

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	29.804.084.507	24.061.719.158
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Mặt trời Tây Ninh	Cùng người điều hành	197.074.422	25.658.280
<b>Phải trả khác</b>			
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	Chủ sở hữu	148.903.000	124.773.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch HĐQT	536.544.000	536.544.000
Ông Trịnh Văn Hà	Phó Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	576.000.000	576.000.000
Nguyễn Huy Cường	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Võ Trần Chí Thịnh	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phan Thanh Trung	Thư ký HĐQT	48.000.000	48.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	Ban kiểm soát	427.200.000	427.200.000
		<b>1.779.744.000</b>	<b>1.779.744.000</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**30. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

**31. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 27 tháng 03 năm 2025.



**Bùi Thị Hồng Nhung**  
Người lập



**Trần Thị Phượng**  
Kế toán trưởng



**Trần Thị Hiền**  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

